

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 39/2017/DS-PT
Ngày: 15/12/2017

V/v: *Tranh Chấp Hợp Đồng Dịch Vụ*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất.

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Thủy và ông Nguyễn Huy Hiểu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày từ 13 đến 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2017/TBTL-DSPT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc “*tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý*” do có kháng cáo của nguyên đơn đối với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2017/QĐ-PT ngày 15/8/2017 và các Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn HV.

Địa chỉ trụ sở: Phòng 2401, Nhà 24T1, Khu Đô thị mới TH – NC, Phường TH, Quận CG, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Ph-Sinh năm 1976. Địa chỉ: Phòng 2401, Nhà 24T1, Khu Đô thị mới TH – NC, Phường TH, Quận CG, Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án)

2. **Bị đơn:** Bà Vũ Thị N, sinh năm 1970 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân HH. (Vắng mặt).

Địa chỉ trước khi xét xử phúc thẩm: thôn MT, xã TH, huyện BG, tỉnh HD
Nơi đăng ký HKTT hiện nay: Thôn 7, xã CP, huyện E, tỉnh ĐL.

- Người kháng cáo: Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn HV – Nguyên đơn trong vụ án.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn HV trình bày như

sau:

Giữa Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn HV (sau đây gọi tắt là HV) , do Giám đốc là ông Nguyễn Thành L đại diện và Doanh nghiệp tư nhân HH (sau đây gọi tắt là HH), do Chủ doanh nghiệp là bà Vũ Thị N đại diện, có ký kết với nhau hợp đồng dịch vụ pháp lý số 511 ngày 11/5/2015, trong đó có thỏa thuận về phí luật sư. Theo đó, HV cung cấp dịch vụ pháp lý cho HH để đòi khoản tiền 648.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán mà công ty TNHH Thương mại và sản xuất MĐ (sau đây gọi tắt là MĐ), có địa chỉ trụ sở tại Phường DN, Quận HD, TP Hà Nội, phải trả cho HH.

Dịch vụ pháp lý mà HV cung cấp cho HH gồm:

- + Tư vấn pháp luật về Dân sự, thương mại, doanh nghiệp, phá sản, tố tụng dân sự.... để HH thu hồi khoản nợ của MĐ.

- + Tư vấn cho HH về phương án hoặc cách thức thu hồi khoản nợ gốc và lãi từ MĐ

- + Đại diện cho HH để đàm phán, thương lượng và soạn thảo các văn bản/thỏa thuận gửi công ty MĐ/ông C và các cơ quan chức năng có thẩm quyền đề nghị giúp đỡ, bảo vệ quyền lợi của bên HH.

- + Tư vấn/ đại diện cho HH làm thủ tục khởi kiện, tham gia tố tụng trong trường hợp cần khởi kiện để đòi nợ MĐ.

- + Tư vấn/ soạn thảo đơn đề nghị mở thủ tục phá sản đối với MĐ

- + Đại diện cho HH nhận tiền hoặc tài sản do MĐ trả hoặc từ cơ quan thi hành án trả trong quá trình giải quyết đòi nợ.

- + Và dịch vụ pháp lý khác.

- * Phía HH: Phải trả phí luật sư và phải chịu thuế VAT dựa trên số tiền phí luật sư phải trả.

Cùng với Hợp đồng, Hai bên đã ký kết phụ lục Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01/2015/PLHĐDVPL ngày 11/5/2015 với nội dung chủ yếu là xác định cách tính phí luật sư mà HH phải trả cho HV: Cụ thể là phí được tính theo 2 căn cứ:

- + Theo từng giai đoạn: trước tố tụng (giai đoạn đàm phán thương lượng giữa 2 bên với nhau) và giai đoạn tố tụng (nếu phải khởi kiện MĐ để đòi nợ hoặc yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với MĐ).

- + Theo tỷ lệ phần trăm của số tiền mà công ty MĐ trả cho HH. Ở giai đoạn đàm phán/ thương lượng với MĐ thì HH phải trả mức phí luật sư là 40% của tổng số tiền mà phía MĐ hoàn trả cho HH.

Ngoài ra, còn thỏa thuận mức phí luật sư ở giai đoạn tố tụng nếu HV đại diện cho HH khởi kiện MĐ ra Tòa án để đòi nợ.

Về thời hạn thanh toán phí luật sư: trong vòng 5 ngày, tính từ ngày một trong các bên (HV /HH) nhận được tiền từ khách nợ (MĐ).

HV đã tư vấn pháp luật cho HH và đã có công văn số 517 ngày 17/5/2015 gửi MĐ với nội dung giới thiệu tư cách đại diện theo ủy quyền của HH và thông báo yêu cầu đòi nợ của HH đến MĐ. Đại diện MĐ đã có email/điện thoại phản hồi lại, nhưng chưa đề xuất cụ thể phương án, tiến độ, số tiền trả nợ mà mới hẹn sẽ gặp nhau ngày 29/5/2015 tại trụ sở của HV để thỏa thuận cụ thể về việc trả nợ. Tuy nhiên, chiều 28/5/2015, ông Trịnh Quốc Đ (đại diện MĐ) và ông Nhữ Ngọc Ng (đại diện HH) đều thông báo qua điện thoại cho HV về việc 2 bên (HH– MĐ) đã thống nhất được phương án giải quyết vụ việc. Theo đó, HH đã nhận hàng của MĐ trị giá 648 triệu đồng.

HV cho rằng do có tác động đến MĐ từ phía HV nên giữa MĐ và HH đã giải quyết được mâu thuẫn, bằng việc HH không hủy hợp đồng mua bán gỗ ngày 09/4/2015 với MĐ nữa, mà tiếp tục thực hiện. Do vậy, MĐ đã thực hiện việc giao gỗ cho HH với giá trị gỗ bằng 648.000.000 đồng. Việc này đã được thể hiện rõ/được chứng minh tại công văn không số ngày 04/6/2015 của MĐ gửi HV .

Đến ngày 29/5/2015 , ông Ng có đến trụ sở HV để đề xuất chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 511 và thừa nhận việc công ty Luật đã tham gia, tư vấn, thực hiện công việc theo hợp đồng dịch vụ pháp lý số 511 và đề nghị thanh toán tiền phí luật sư là 20-30 triệu đồng, với lý do tự hai bên (HH– MĐ) đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết công nợ, trong khi HV mới triển khai thực hiện hợp đồng trong thời gian ngắn, nên theo ông Nghiệp thì mức phí mà HH đề xuất trả như trên là hợp lý, chứ không tính theo thỏa thuận trong hợp đồng.

HV không chấp nhận đề nghị mức phí mà HH (ông Ng) nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân HH phải trả các khoản sau:

- Khoản thù lao luật sư (phí luật sư) là 259.200.000 đồng và tiền thuế VAT/phí luật sư là 25.920.000 đồng, tổng là 285.120.000 đồng.

- Khoản tiền lãi do chậm thanh toán phí luật sư, tính bằng số phí luật sư phải trả nhân với mức lãi suất được tính bằng 150% mức lãi suất cơ bản, tức lãi suất chậm thanh toán là 13.5%/năm, thời gian chậm trả là từ ngày 08/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/5/2017, là 36.352.800 đồng.

Bị đơn bà Vũ Thị N trình như sau:

Về việc xác lập quan hệ hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa HV và HH như đại diện của HV trình bày là đúng. Tuy nhiên về việc thực hiện hợp đồng thì bà N có trình bày là từ khi hai bên ký kết hợp đồng đến nay, MĐ vẫn chưa thanh toán cho HH được khoản tiền nào và vẫn nợ HH số tiền 648.000.000 đồng. Vì

vậy, bà N không chấp nhận yêu cầu đòi thanh toán tiền phí luật sư/ thù lao luật sư của HV .

Bà N cũng không thừa nhận quan điểm của nguyên đơn cho rằng, HH và MĐ có thỏa thuận tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán gỗ và MĐ đã giao gỗ cho HH.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 18/5/2017, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Luật HV về việc đòi bà N phải trả các khoản tiền theo Hợp đồng là 321.372.800đ. Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, tiền lãi nếu chậm thi hành khoản án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31/5/2017, Công ty Luật TNHH HV kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 01/6/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang kháng nghị với các nội dung: Bản án xác định bà N – chủ doanh nghiệp HH không phải là bị đơn mà doanh nghiệp HH mới là bị đơn. Bản án sơ thẩm tuyên nguyên đơn phải chịu lãi suất phần án phí nếu chậm thi hành án là không đúng; Bản án sơ thẩm không tuyên quyền đề nghị thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án và nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại Điều 26 Luật THADS là thiếu. Đề nghị Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm với các nội dung đã phân tích trên.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thay đổi phần quyết định kháng nghị đó là xác định bà Vũ Thị N chủ Doanh nghiệp tư nhân HH là bị đơn, thay cho nội dung Doanh nghiệp tư nhân HH là bị đơn, còn lại các nội dung kháng nghị khác vẫn giữ nguyên. Về việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước khi nghị án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, buộc bà Vũ Thị N chủ Doanh nghiệp tư nhân HH phải trả cho Công ty Luật TNHH HV số tiền phí tương ứng với công việc mà HV đã thực hiện, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

Kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, đúng hạn và kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện

Bình Giang trong thời hạn theo quy định tại Điều 273, Điều 280 BLTTDS là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo theo tục phúc thẩm.

Công ty TNHH HV khởi kiện bà Vũ Thị N, chủ Doanh nghiệp tư nhân HH có địa chỉ tại thôn MT, xã TH, huyện BG, tỉnh HD về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ pháp lý. Tòa án nhân dân huyện Bình Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26 và khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập bà N đến phiên tòa và các Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng bà N vẫn vắng mặt tại phiên tòa, cho nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

2.1 Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa công ty HV và Doanh nghiệp tư nhân HH ngày 11/5/2015, được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích của Hợp đồng phù hợp với pháp luật, các chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng đều có năng lực trách nhiệm dân sự, cho nên Hợp đồng số 511 ngày 11/5/2015 giữa Công ty Luật TNHH HV và Doanh nghiệp tư nhân HH có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty HV đã tiến hành tư vấn pháp luật, soạn thảo các văn bản liên quan đến việc đòi nợ giữa HH và công ty MĐ. Sau khi có sự ủy quyền về đòi nợ, giữa HV và HH, Công ty HV đã tiến hành gửi các văn bản đến MĐ để giới thiệu về tư cách tham gia đòi nợ, lên kế hoạch tiến hành đàm phán, ấn định ngày 29/5/2015 sẽ tiến hành làm việc với công ty MĐ tại trụ sở của Công ty và được MĐ chấp nhận. Qua đó chứng tỏ Công ty HV đã thực hiện công việc để tiến hành đòi nợ công ty MĐ theo Hợp đồng đã ký và việc đòi nợ có tiến triển tốt. Ngày 28/5/2015, trước ngày hẹn làm việc 01 ngày thì giữa HH và MĐ đã thỏa thuận được việc giải quyết số tiền 648.000.000đ bằng việc MĐ đã bớt cho HH một số m3 gỗ bị sắn và một rỗng mà HH đã nhận của MĐ trong Hợp đồng mua bán gỗ ngày 09/4/2015. Sự việc này được thể hiện bằng lời khai nhận của ông Đ giám đốc công ty MĐ, lời khai ông C và lời thừa nhận của ông Ng là chồng bà N được bà N ủy quyền đi thực hiện các giao dịch. Ngay sau khi HH và công ty MĐ thỏa thuận được việc giải quyết số tiền nợ trên thì ông Ng đã đến Công ty HV đề nghị thanh toán phí và thanh lý hợp đồng dịch vụ pháp lý. Ông Ng đề nghị trả tiền dịch vụ pháp lý cho HV từ 20-30 triệu đồng nhưng HV đòi tiền 50 triệu đồng, sau đó các bên không thống nhất được. Nội dung này được ông Ng thừa nhận. Như vậy, công ty HV đã thực hiện công việc đòi nợ cho HH theo Hợp đồng đã ký kết và việc Công ty MĐ với HH thỏa thuận được với nhau về việc thanh toán tiền nợ là có 01 phần công sức do Công ty HV

tác động cho nên HV phải được hưởng một phần lệ phí tương ứng với phần việc mà công ty HV đã thực hiện và ông Ng cũng đã tự nguyện đến HV để thanh toán tiền lệ phí cho HV. Căn cứ vào công việc HV đã thực hiện, cần xác định số tiền phí mà HH phải trả cho HV bằng 10% số tiền 648.000.000đ mà MĐ và HH đã tự thỏa thuận giải quyết được với nhau. Kháng cáo của Công ty HV yêu cầu HH phải thanh toán toàn bộ tiền phí dịch vụ theo thỏa thuận trong Hợp đồng ngày 11/5/2015 với tổng số tiền 285.120.000đ là không có cơ sở mà chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện như đã phân tích ở trên.

Công ty HV còn yêu cầu HH phải trả lãi chậm trả tiền phí dịch vụ theo Hợp đồng, về vấn đề này thấy rằng, trong Hợp đồng 02 bên thỏa thuận trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được tiền trả nợ của MĐ thì HH phải thanh toán tiền phí dịch vụ pháp lý cho HV, nếu không thì phải chịu lãi chậm thanh toán là 150%, yêu cầu này là không có căn cứ vì MĐ và HH không trả tiền cho nhau mà tự giải quyết bằng việc bớt một phần m3 gỗ cho nhau nên hai bên không xảy ra đòi nợ đối với nhau chứ không có việc MĐ trả tiền cho HH. Chính vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo đòi tiền lãi của HV đối với HH.

2.2. Xét kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Bình Giang thấy rằng:

Bản án sơ thẩm xác định bà Vũ Thị N, sinh năm 1970 là bị đơn là chưa đầy đủ mà phải là bà Vũ Thị Năm – Chủ Doanh nghiệp tư nhân HH là bị đơn mới đúng và đầy đủ theo quy định tại Khoản 3 Điều 185 Luật doanh nghiệp 2014; Bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu lãi chậm trả theo Điều 468 BLDS đối với khoản án phí là không đúng. Vì theo quy định tại điều 357 BLDS thì nghĩa vụ phải chịu lãi chậm trả chỉ áp dụng đối với các chủ thể tham gia quan hệ giao dịch dân sự và trách nhiệm phải chịu lãi chậm trả là nghĩa vụ từ các giao dịch dân sự, còn án phí là khoản tiền mà các đương sự phải nộp cho Nhà nước theo quy định của pháp luật, không phải là nghĩa vụ chậm trả tiền phát sinh trong quan hệ giao dịch dân sự. Bản án sơ thẩm không tuyên về quyền và nghĩa vụ phải thực hiện THA dân sự theo quy định tại Điều 26 Luật THADS là thiếu sót. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang kháng nghị là có cơ sở.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận 01 phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Bình Giang. Sửa bản án sơ thẩm.

3. Về án phí:

3.1 Án phí phúc thẩm:

Đối với án phí phúc thẩm, do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận 01 phần và sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3.2 Án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của mình không được chấp nhận và bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị, HĐXX không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 BLTTDS:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Bình Giang, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 121, 122 và các Điều 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524, Điều 357, 468 BLDS; Điều 26, Điều 59 Luật luật sư; Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Luật TNHH HV về đòi tiền phí luật sư đối với chủ Doanh nghiệp tư nhân HH là 10% của số tiền 648.000.000đ.

2. Buộc bà Vũ Thị N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân HH phải trả cho Công ty Luật TNHH HV số tiền 64.800.000đ (sáu mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được THA làm đơn đề nghị thi hành, người phải thi hành không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 648 BLDS.

3. Không chấp nhận phần còn lại yêu cầu khởi kiện của Công ty Luật TNHH HV về đòi tiền phí luật sư, tiền thuế và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tổng là 256.672.800đ.

4. Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: Công ty Luật TNHH HV không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự, hoàn trả cho Công ty Luật TNHH HV số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AB/2014/00002287 ngày 06/6/2017 của Chi cục THA dân sự huyện Bình Giang.

- Án phí sơ thẩm:

+ Công ty Luật TNHH HV phải chịu án phí DSST là 256.672.800đ x 5% = 12.833.000đ

+ Bà Vũ Thị N chủ Doanh nghiệp HH phải chịu tiền án phí DSST là 64.800.000đ x 5% = 3.240.000đ

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 15/12/2017.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Bình Giang;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. Hội Đồng Xét Xử Phúc Thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Chất